

# Các yếu tố tác động đến sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động hợp tác song phương ở vùng biên giới Việt Nam – Campuchia<sup>(\*)</sup>

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG\*

LÊ HÀ THANH\*\*

NGUYỄN DIỆU HÀNG\*\*\*

*Tóm tắt: Quản lý dựa vào cộng đồng (CBM) là mô hình quản lý đang trở nên phổ biến ở Việt Nam, trong đó có các tỉnh vùng biên giới Việt Nam – Campuchia với các dự án trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển du lịch và kinh tế địa phương, bảo vệ môi trường, công tác biên giới. Với các dự án này, sự tham gia của cộng đồng là rất quan trọng, tạo nên sự thành công và tính bền vững của chúng. Bài viết tập trung đánh giá các yếu tố tác động lên sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động hợp tác song phương giữa các địa phương vùng biên giới Việt Nam – Campuchia trên nền tảng của lý thuyết hành vi dự kiến, thông qua phân tích định lượng số liệu thu được từ cuộc điều tra thực tế tiến hành tại hai tỉnh Đắk Lắk và Kiên Giang năm 2015. Kết quả cho thấy, các yếu tố tác động vào hành vi tham gia của cộng đồng gồm thái độ, chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi, tuổi và thu nhập.*

*Từ khóa: Quản lý dựa vào cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng, khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia.*

## Đặt vấn đề

Mô hình quản lý dựa vào cộng đồng (CBM) đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong những lĩnh vực, mà ở đó quản lý nhà nước và quản lý tư nhân tỏ ra không hiệu quả. Quản lý dựa vào cộng đồng là hình thức quản lý có sự tham gia trực tiếp của cộng đồng và họ được hưởng lợi từ việc tham gia đó. Sự tham gia trong quản lý một

lĩnh vực nhất định được hiểu là sự tham gia có hiệu quả trong việc ban hành và thực hiện các quyết định, hoặc trực tiếp, hoặc thông qua các đại diện hợp pháp. Có thể phân chia thành 4 mức độ tham gia của cộng đồng, gồm Thông báo, Tham vấn, Hợp tác và Tự quản lý. Có nhiều lý do khác nhau để thúc đẩy cộng đồng tham gia, như để giảm chi phí (cộng đồng được yêu cầu đóng góp hàng hoá, tiền, công sức lao động), để thực hiện dự án hiệu quả và đầy đủ hơn, để tăng cường năng lực của các cộng đồng hoặc để trao quyền cho cộng đồng, tức gia tăng kiểm soát đối với các nguồn lực và đưa ra những quyết định quan trọng có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.

\* Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

\*\* Trường đại học Kinh tế Quốc dân

(\*) Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo nghị định thư "Nghiên cứu ứng dụng mô hình quản lý dựa vào cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác song phương tại các địa phương biên giới Việt Nam – Campuchia"

Thực tiễn cho thấy, mô hình CBM đã được áp dụng tại các địa phương vùng biên giới Việt Nam – Campuchia trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, cung cấp dịch vụ công, phát triển du lịch và kinh tế địa phương, bảo vệ môi trường, công tác biên giới.

Để có thêm luận cứ cho việc thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động quản lý và hợp tác song phương tại các địa phương vùng biên giới Việt Nam – Campuchia, bài viết tập trung phân tích các yếu tố tác động lên sự tham gia của cộng đồng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia vào các hoạt động hợp tác song phương bằng việc sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phân tích định lượng các kết quả từ cuộc khảo sát thực tế tại hai tỉnh Đắk Lắk và Kiên Giang năm 2015 trên nền tảng của lý thuyết hành vi dự kiến.

### 1. Giới thiệu mẫu nghiên cứu

Để tìm hiểu cụ thể thực trạng sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động quản lý vùng biên giới và hợp tác song phương giữa Việt Nam và Campuchia, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra thực tế tại hai tỉnh Đắk Lắk và Kiên Giang từ tháng 9 đến tháng 11/2015. Trong đó, Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên - nơi có tài nguyên thiên nhiên phong phú và là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số khác nhau, còn Kiên Giang là tỉnh nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc – nơi có tài nguyên biển sở hữu chung với Campuchia và Thái Lan cùng nhiều tài nguyên thiên nhiên khác và là nơi sinh sống của rất nhiều người Khmer có quan hệ mật thiết với cộng đồng bên kia biên giới.

Có 1.015 hộ gia đình được phỏng vấn. Sau khi tiến hành nhập dữ liệu và loại bỏ các phiếu điều tra không đầy đủ thông tin thì mẫu nghiên cứu còn 899 phiếu. Trong đó, số hộ gia đình ở Kiên Giang là 397 hộ, chiếm 44,2%; số hộ gia đình ở Đắk Lắk là 502 hộ, chiếm 55,8%.

Mẫu nghiên cứu có sự thiên lệch về giới tính người trả lời - nữ chỉ có 336 người, tương

đương 37,4%; còn lại 563 người trả lời là nam, chiếm 62,6%. Độ tuổi trung bình của mẫu nghiên cứu là 43,27 tuổi. Thời gian sinh sống trung bình của người dân tại địa phương là 23,45 năm, tương đối thấp so với tuổi trung bình, lý do là ở tỉnh Đắk Lắk, đặc biệt là vùng biên giới có nhiều người dân từ nơi khác đến sinh sống. Trong 2 địa bàn nghiên cứu, Đắk Lắk là nơi có tính đa dạng dân tộc rất cao do đặc điểm di cư nói trên. Ngoài người Kinh chiếm đa số, Đắk Lắk còn có các dân tộc như M'ông, Thái, Tày, Nùng... Trong khi đó, các dân tộc ở Kiên Giang khá ổn định, tỷ lệ người dân đã cư trú lâu đời cũng đạt tới 40%. Đa phần người dân là dân tộc Kinh, còn lại là người Khmer và Hoa. Đa phần người trả lời có trình độ học vấn trung học cơ sở (40,2%). Tỷ lệ số người chưa đi học và người đã từng học cao đẳng/dại học đều xấp xỉ 10%, hầu như là người Kinh. Nhóm người Khmer là dân tộc có tỷ lệ người chưa đi học cao nhất, chiếm đến 27,4%. Quy mô hộ gia đình trong mẫu điều tra tương đối lớn, trung bình mỗi hộ có 4,35 người so với quy mô trung bình của cả nước năm 2014 chỉ là 3,6 người/hộ. Mỗi gia đình bình quân có 2,74 lao động chính.

Người dân sinh sống ở vùng biên giáp Campuchia có nguồn thu nhập khá đa dạng. Nông nghiệp là sinh kế chính của các hộ gia đình trong mẫu điều tra với 724 hộ (chiếm 80,5%) có thu nhập từ hoạt động này. Ngược lại, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, sản xuất lâm nghiệp là những ngành có rất ít hoặc không có hộ nào làm. Các sinh kế còn lại mang lại thu nhập là buôn bán, dịch vụ (215 hộ, tương đương 23,9%); nghề phụ, làm thuê (205 hộ, chiếm 22,8%) và các nghề khác. Có 139 người trả lời (15,46%) là cán bộ nhà nước hoặc các tổ chức xã hội, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Thu nhập trung bình của các hộ gia đình trong mẫu điều tra khá cao. Đó là do ở Đắk Lắk, với tài nguyên đất dồi dào và khí hậu thích hợp với các loại cây công nghiệp như cà phê, tiêu, điều, ... nên các hộ gia đình ở đây có thu nhập khá, có tới gần 34% số hộ đạt trên 10 triệu đồng/tháng.

Còn ở Kiên Giang, có những hộ có thu nhập >10 triệu đồng/tháng, nhưng đa phần có thu nhập < 4 triệu đồng/tháng. Tuy thu nhập tính trên hộ khá cao nhưng quy mô hộ lớn nên thu nhập tính bình quân trên đầu người vẫn thấp.

**2. Các yếu tố tác động đến sự tham gia quản lý của cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác song phương tại các địa phương biên giới Việt Nam – Campuchia**

**2.1. Mô hình nghiên cứu**

Để có cơ sở xây dựng lộ trình thúc đẩy cộng đồng tham gia quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác song phương tại các địa phương biên giới Việt Nam – Campuchia, nhóm nghiên cứu tìm hiểu những yếu tố tác động lên sự tham gia của họ thông qua sử dụng lý thuyết hành vi dự kiến của Ajzen (1991) để đánh giá chiều hướng và mức độ tác động của chúng. Theo Ajzen (1991), hành vi của con người được quyết định bởi ý chí, suy nghĩ của họ. Một người càng có ý định mạnh mẽ để thực hiện một hành vi thì khả năng họ thực hiện hành vi đó trong thực tế càng lớn. Sức mạnh của dự định bị chi phối bởi ba yếu tố: thái độ (attitude), chuẩn mực chủ quan (subjective norm) và nhận thức kiểm soát hành vi (perceived behavioural control). Thái độ phản ánh đánh giá của mỗi cá nhân khi thực hiện một hành vi nhất định. Họ có thể đánh giá hành vi ấy là tích cực hoặc tiêu cực. Chuẩn mực chủ quan bị chi phối bởi sức ép mà mỗi cá nhân cho rằng họ phải chịu hoặc cái mà họ nghĩ những người khác muốn họ làm và mong muốn được thực hiện theo kỳ vọng đó. Nhận thức kiểm soát hành vi là đánh giá của mỗi cá nhân về những thuận lợi, khó khăn mà họ sẽ gặp phải khi thực hiện hành vi. Nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng trực tiếp lên hành vi thực tế nếu con người nhận biết chính xác khó khăn và thuận lợi họ gặp phải. Quy tắc chung là thái độ và chuẩn mực chủ quan về hành vi càng tích cực, nhận thức kiểm soát hành vi càng lớn thì một cá nhân càng có mong muốn thực hiện hành vi trong thực tế.

Sự thành công của mô hình CBM còn phụ thuộc vào đặc trưng của cộng đồng, nói cách khác, sự tham gia quản lý của cộng đồng còn bị ảnh hưởng bởi đặc điểm kinh tế - xã hội của thành viên cộng đồng cũng như toàn bộ cộng đồng đó. Do vậy, khi tìm hiểu các yếu tố tác động đến sự tham gia của cộng đồng vào quản lý, ngoài các yếu tố liên quan đến thái độ, nhận thức, còn phải xét đến yếu tố kinh tế - xã hội. Trong nghiên cứu này, các yếu tố được đưa vào xem xét gồm tuổi người trả lời, dân tộc, trình độ học vấn, quy mô hộ gia đình, mức thu nhập.

Mối quan hệ giữa dự định tham gia quản lý của cộng đồng với các biến giải thích (các yếu tố tác động) được thể hiện qua mô hình sau:

$$DKHVTG = \beta_1 \times TĐ + \beta_2 \times CMCQ + \beta_3 \times NTKSHV + \beta_4 \times Tuoi + \beta_8 \times Dantoc + \beta_9 \times TĐHV + \beta_{10} \times QMH + \beta_{11} \times thunhap + \varepsilon$$

*Trong đó:*

DKHVTG: dự kiến hành vi tham gia

TĐ: thái độ

CMCQ: chuẩn mực chủ quan

NTKSHV: nhận thức kiểm soát hành vi

Tuoi: Tuổi

Dantoc: Dân tộc

TĐHV: trình độ học vấn

QMH: quy mô hộ

Thunhap: Mức thu nhập trung bình một tháng của hộ

Cách đo các biến như sau:

- Các biến (i) hành vi dự kiến; (ii) thái độ; (iii) chuẩn mực chủ quan, (iv) nhận thức kiểm soát hành vi được đánh giá đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ tăng dần từ 1 lên 5 tương ứng với các lựa chọn rất không đồng ý, không đồng ý, không ý kiến, đồng ý và rất đồng ý.

- Biến tuổi là biến liên tục.

- Biến dân tộc:

= 1 nếu người trả lời là dân tộc Kinh.

= 0 nếu người trả lời thuộc các dân tộc thiểu số khác.

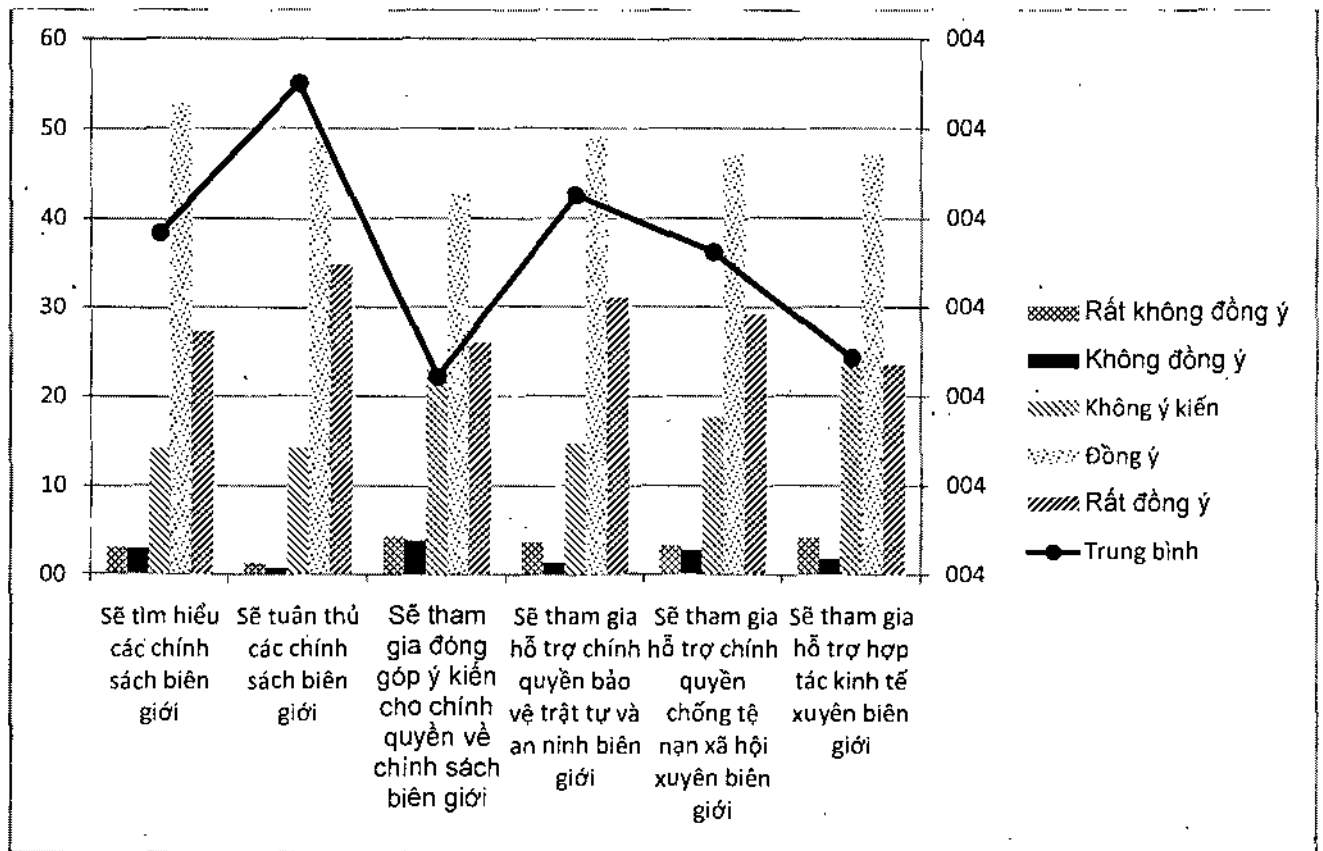
- Biến trình độ học vấn:
  - = 1 nếu người trả lời chưa đi học.
  - = 2 nếu người trả lời học đến tiểu học.
  - = 3 nếu người trả lời học đến trung học cơ sở.
  - = 4 nếu người trả lời học đến trung học phổ thông.
  - = 5 nếu người trả lời học đến cao đẳng/đại học.
  - = 6 nếu người trả lời có trình độ học vấn khác.
- Biến quy mô hộ là biến liên tục.
- Biến thu nhập:
  - = 1 nếu hộ gia đình có thu nhập 1 tháng < 2 triệu đồng.
  - = 2 nếu hộ gia đình có thu nhập 1 tháng từ 2 đến dưới 4 triệu đồng.
  - = 3 nếu hộ gia đình có thu nhập 1 tháng từ 4 đến dưới 6 triệu đồng.

- = 4 nếu hộ gia đình có thu nhập 1 tháng từ 6 đến dưới 8 triệu đồng.
- = 5 nếu hộ gia đình có thu nhập 1 tháng từ 8 đến dưới 10 triệu đồng.
- = 6 nếu hộ gia đình có thu nhập 1 tháng từ 10 triệu đồng trở lên.

Bảng hỏi được xây dựng với các câu hỏi chia thành từng nhóm dự kiến và hành vi cụ thể của người dân, gồm (i) hành vi dự kiến; (ii) thái độ; (iii) chuẩn mực chủ quan, (iv) nhận thức kiểm soát hành vi và (v) đặc điểm kinh tế - xã hội của người trả lời. Theo hướng dẫn của Ajzen (2013), từ hành vi tham gia quản lý nói chung, nhóm nghiên cứu chia nhỏ thành nhiều hành vi cụ thể với các yếu tố tác động đến từng hành vi theo lý thuyết.

2.2. Thống kê các biến trong mô hình

Hình 1: Đánh giá về dự kiến các hành vi tham gia quản lý của cộng đồng (tỷ lệ %)



Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát năm 2015.

**Biến hành vi dự kiến**

Rõ ràng, người dân sinh sống ở giáp đường biên giới thuộc hai tỉnh Đắk Lắk và Kiên Giang đã nhận thức được tầm quan trọng của mình trong việc xây dựng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia ổn định nên rất mong muốn được tham gia đóng góp vào công cuộc hợp tác toàn diện với nước bạn Campuchia trong thời gian tới. Phần lớn các hoạt động quản lý đều đạt được sự đồng ý và rất đồng ý của người dân, đặc biệt là tìm hiểu và tuân thủ các chính sách liên quan đến đường biên giới tại địa phương và tham gia hỗ trợ chính quyền bảo vệ trật tự, an ninh đường biên và phòng chống tệ nạn xã hội với khoảng 80% số phiếu đồng ý. Đồng thời, quan điểm của cộng đồng vùng biên giáp Campuchia cũng khá đồng đều giữa các hành vi dự kiến khác nhau (xem Hình 1).

**Biến thái độ**

Nhìn chung, người dân nơi đây đều có thái độ tích cực đối với các hành vi tham gia quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia. Tỷ lệ đồng thuận của bà con ở tất cả các tiêu chí đều trên 70% số lượng người tham gia khảo sát, đặc biệt ở các tiêu chí về hiểu biết và tuân thủ các chính sách liên quan đến vùng biên và hỗ trợ chính quyền địa phương đảm bảo trật tự an ninh và phòng chống

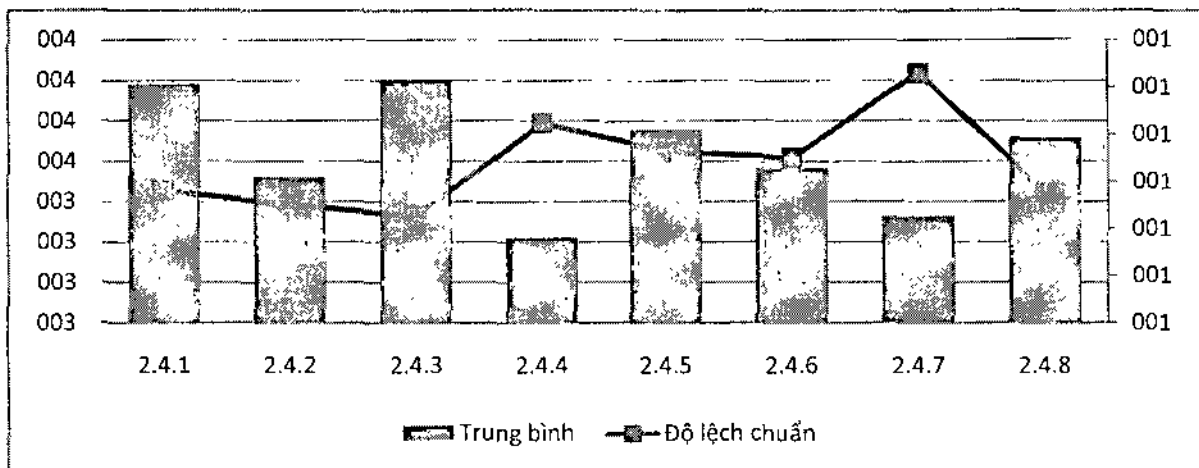
tệ nạn xã hội với gần 90% lựa chọn đồng ý hoặc rất đồng ý tham gia.

**Biến chuẩn mực chủ quan**

Căn cứ vào tình hình cụ thể của các tỉnh biên giới Việt Nam – Campuchia, nhóm nghiên cứu đã xác định được tám tiêu chí cơ bản nhất phản ánh chuẩn mực chủ quan của người dân về việc tham gia cùng với chính quyền địa phương. Dưới đây là bảng mã từng nội dung đánh giá chuẩn mực cá nhân của người dân và tên biến tương ứng.

- 2.4.1 Hàng xóm cho rằng nên tham gia tích cực vào hoạt động quản lý biên giới.
- 2.4.2 Hàng xóm biết về chính sách biên giới.
- 2.4.3 Hàng xóm tuân thủ chính sách biên giới.
- 2.4.4 Hàng xóm có đóng góp ý kiến cho cơ quan quản lý về chính sách biên giới.
- 2.4.5 Hàng xóm tham gia hỗ trợ bảo vệ trật tự và an ninh biên giới.
- 2.4.6 Hàng xóm tham gia hỗ trợ chống tệ nạn xã hội xuyên biên giới.
- 2.4.7 Hàng xóm tham gia hỗ trợ các hoạt động hợp tác kinh tế vùng biên giới.
- 2.4.8 Tôi muốn hành động giống với hàng xóm trong những vấn đề biên giới.

**Hình 2: Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các biến chuẩn mực chủ quan**



Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát năm 2015.

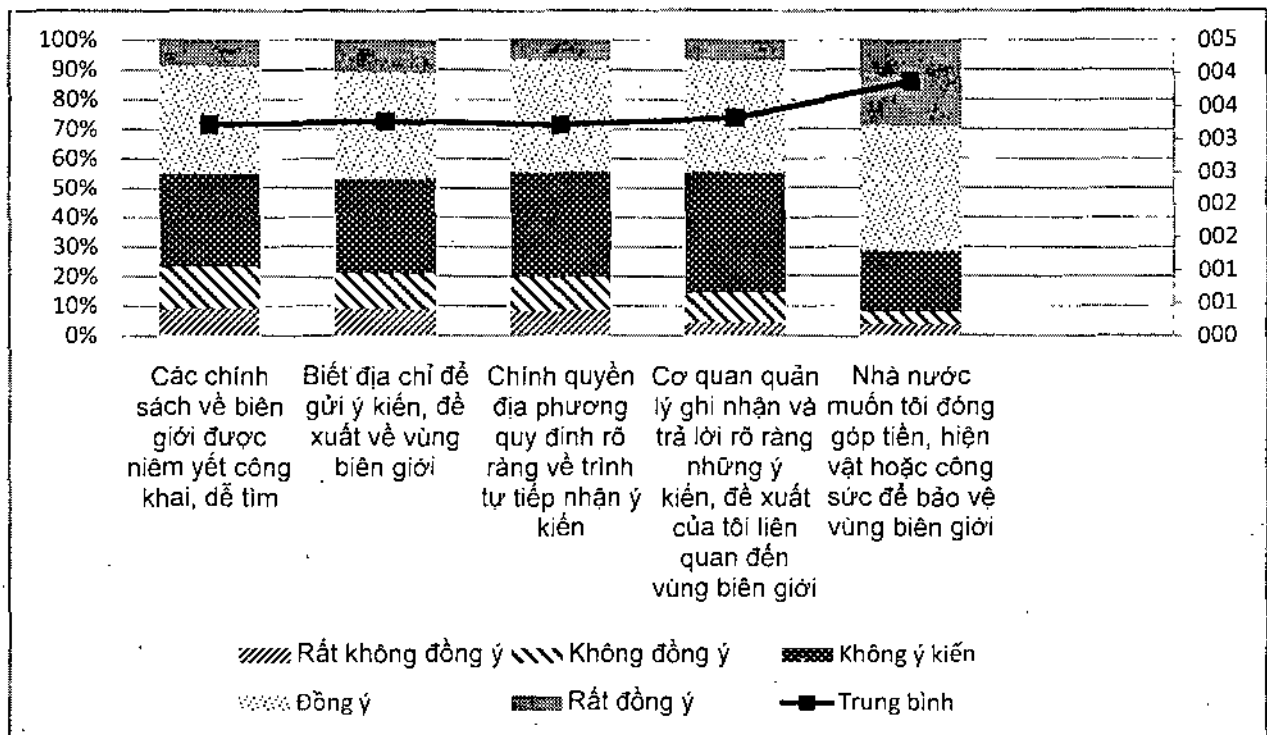
Chuẩn mực chủ quan, nói cách khác là đánh giá của mỗi người về chuẩn mực xã hội và mong muốn thực hiện theo chuẩn mực có sự khác biệt nhưng không nhiều. Các phát biểu đều có giá trị trung bình tương đối gần nhau, từ 3,3 đến 3,7, phản ánh quan điểm tương đối đồng ý với nhận định mà nghiên cứu đưa ra; và sự phân tán trong câu trả lời không nhiều với độ lệch chuẩn dao động trong khoảng 0,81 đến 0,965. Trong đó, phát biểu 2.4.4 (Những người hàng xóm có đóng góp ý kiến cho cơ quan quản lý về chính sách vùng biên giới) có mức trung bình thấp nhất, đồng thời cũng có độ lệch chuẩn cao thứ hai, cho thấy nhìn chung cộng đồng cho rằng những người xung quanh họ chưa đóng góp nhiều ý kiến cho cơ quan quản lý nhà nước, nhưng có sự khác biệt đáng kể giữa đánh giá của các thành viên trong cộng đồng. Tương tự với phát biểu 2.4.7, cộng đồng cũng đánh giá không cao sự tham gia của những người xung quanh vào hoạt động hợp tác kinh tế

vùng biên giới (trung bình 3,36), nhưng có sự phân tán mạnh trong câu trả lời khi độ lệch chuẩn lên tới 0,965.

**Biến nhận thức kiểm soát hành vi**

Nhận thức kiểm soát hành vi cho biết mỗi thành viên trong cộng đồng đánh giá việc thực hiện một hành vi tham gia quản lý đối với họ có thuận lợi hay không. Với các hành vi tìm hiểu chính sách, tuân thủ chính sách, đóng góp ý kiến về chính sách, đánh giá của cộng đồng là tương đối đồng nhất khi có gần 50% cho rằng họ thấy những hành vi này là thuận lợi, được tạo điều kiện để thực hiện. Với hành vi đóng góp nguồn lực vào quản lý, bảo vệ vùng biên giới, mặc dù chưa có quy định chính thức về huy động đóng góp nguồn lực từ cộng đồng phục vụ quản lý, nhưng đa số thành viên cộng đồng đều cho rằng Nhà nước sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho họ làm những việc này (70 - 80% câu trả lời là đồng ý và rất đồng ý).

**Hình 3: Đánh giá về nhận thức kiểm soát hành vi đối với các hành vi tham gia quản lý của cộng đồng**



Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát năm 2015.

**2.3. Mô hình hồi quy**

Số liệu điều tra được xử lý bằng phần mềm SPSS. Phương pháp hồi quy bình phương nhỏ nhất được sử dụng để ước lượng hệ số của các biến độc lập. Có 6 mô hình hồi quy tương đương với 6 dự định tham gia quản lý của cộng đồng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia, cụ thể như sau:

*Biến phụ thuộc:*

Mô hình 1: Dự kiến hành vi tìm hiểu các chính sách liên quan đến biên giới.

Mô hình 2: Dự kiến hành vi tuân thủ chính sách liên quan đến biên giới.

Mô hình 3: Dự kiến hành vi đóng góp ý kiến cho các chính sách liên quan đến biên giới.

Mô hình 4: Dự kiến hành vi tham gia hỗ trợ chính quyền trong bảo vệ trật tự và an ninh biên giới.

Mô hình 5: Dự kiến hành vi tham gia hỗ trợ chính quyền chống tệ nạn xã hội xuyên biên giới.

Mô hình 6: Dự kiến hành vi tham gia hỗ trợ chính quyền hợp tác kinh tế xuyên biên giới.

**Bảng 2:**

**Kết quả hồi quy**

Biến độc lập	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4	Mô hình 5	Mô hình 6	
R <sup>2</sup>	0,576	0,431	0,539	0,479	0,509	0,476	
TD1	<b>0,306*</b>	<b>0,332*</b>	<b>0,234*</b>	<b>0,260*</b>	<b>0,342*</b>	<b>0,397*</b>	
TD2	<b>0,225*</b>	<b>0,309*</b>	<b>0,264*</b>	<b>0,188*</b>	<b>0,174*</b>	<b>0,108*</b>	
CMCQ1	-0,066	0,041	<b>0,178*</b>	<b>0,102*</b>	<b>0,150*</b>	0,050	
CMCQ2	<b>0,152*</b>	<b>0,107*</b>	<b>0,068*</b>	<b>0,121*</b>	<b>0,106*</b>	<b>0,098*</b>	
NTKSHV	<b>0,173*</b>	<b>0,127*</b>	NTKSHV1	<b>0,203*</b>	<b>0,182*</b>	<b>0,087*</b>	<b>0,193*</b>
			NTKSHV2	<b>-0,10*</b>			
			NTKSHV3	<b>0,087*</b>			
Tuổi	0,004	-0,021	<b>-0,064*</b>	-0,039	-0,006	<b>-0,076*</b>	
Dân tộc	-0,006	0,002	-0,002	0,001	0,011	-0,021	
Trình độ học vấn	0,032	0,045	0,035	0,023	0,036	-0,002	
Quy mô hộ	0,008	0,009	0,031	-0,048	-0,014	0,037	
Thu nhập	<b>0,122*</b>	<b>0,065*</b>	-0,014	<b>0,087*</b>	<b>0,084*</b>	<b>0,117*</b>	

*Nguồn:* Tính toán từ kết quả khảo sát năm 2015.

*Ghi chú\*:* có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%.

Kết quả ước lượng hồi quy được thể hiện trong Bảng 2. Có thể thấy ở mức ý nghĩa 5%, 6 dự kiến hành vi tham gia quản lý của cộng đồng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia đều phụ thuộc các biến thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi thông qua mối quan hệ thuận chiều, phù hợp với lý thuyết của Ajzen (1991). Ngoài ra, biên tuổi có ảnh hưởng đến dự kiến hành vi đóng góp ý kiến cho các chính sách liên quan đến biên giới và dự kiến

hành vi tham gia hỗ trợ chính quyền hợp tác kinh tế xuyên biên giới với hệ số < 0, cho thấy người càng trẻ tuổi thì càng tích cực tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách vùng biên giới và hợp tác kinh tế xuyên biên giới hơn người lớn tuổi. Biến thu nhập có ý nghĩa trong 5/6 mô hình với hệ số đều > 0, cho thấy hộ gia đình có thu nhập càng cao thì càng tích cực tham gia vào nhiều hoạt động quản lý vùng biên giới.

**Biến thái độ (TĐ):** Biến TĐ1 trong cả 6 mô hình đều có ý nghĩa với hệ số  $B > 0$ , tức là người nào càng nhìn nhận tích cực về ý nghĩa của các hành vi tham gia quản lý vùng biên giới sẽ càng có dự định mạnh mẽ tham gia, thực hiện các hành vi quản lý. Biến TĐ2 phản ánh thái độ về vai trò của cộng đồng trong quản lý (“Tôi cho rằng trong quản lý vùng biên giới, người dân như tôi có vai trò quan trọng”) có  $\beta > 0$  có nghĩa là thành viên nào của cộng đồng càng nhìn nhận tích cực về vai trò của cộng đồng trong quản lý thì sẽ càng tích cực tham gia quản lý, và biến này cũng có ý nghĩa thống kê trong cả 6 mô hình.

**Biến chuẩn mực chủ quan (CMCQ):** Biến CMCQ1 phản ánh nhận định của mỗi cá nhân về hành vi tham gia quản lý của những người hàng xóm, còn biến CMCQ2 cho biết mong muốn của mỗi cá nhân được thực hiện hành vi quản lý giống những người hàng xóm của mình. Ví dụ, với mô hình 3, hai phát biểu này là “Hàng xóm có đóng góp ý kiến cho cơ quan quản lý về chính sách biên giới” và “Hành động giống với hàng xóm trong những vấn đề liên quan đến vùng biên giới”. Biến CMCQ1 có hệ số dương và có ý nghĩa thống kê trong các mô hình 3: dự kiến hành vi đóng góp ý kiến cho các chính sách liên quan đến biên giới), mô hình 4: dự kiến hành vi tham gia hỗ trợ chính quyền trong bảo vệ trật tự và an ninh biên giới và mô hình 5: dự kiến hành vi tham gia hỗ trợ chính quyền chống tệ nạn xã hội xuyên biên giới. Còn biến CMCQ2 có hệ số  $B > 0$  và có ý nghĩa thống kê trong cả 6 mô hình nghiên cứu. Điều này là phù hợp với lý thuyết của Ajzen với giả định là mỗi cá nhân đều có đánh giá của mình về chuẩn mực chung của xã hội và mong muốn thực hiện theo chuẩn mực chung đó. Tức là cá nhân nào trong cộng đồng thuộc địa bàn nghiên cứu có mong muốn tham gia quản lý vùng biên giới giống như những người xung quanh thì càng có dự định tham gia mạnh mẽ.

**Biến nhận thức kiểm soát hành vi (NTKSHV):** Biến này là các phát biểu thể hiện mức độ dễ dàng thực hiện hành vi tham gia quản lý của cộng đồng vùng biên giới Việt Nam

– Campuchia. Ngoại trừ mô hình 3: Dự kiến hành vi đóng góp ý kiến cho các chính sách liên quan đến biên giới có 3 biến NTKSHV, các mô hình còn lại đều có 1 biến. Với mô hình 3, biến NTKSHV1, NTKSHV3 (“Biết địa chỉ để gửi ý kiến, đề xuất về vùng biên giới”, “Cơ quan quản lý ghi nhận và trả lời rõ ràng những ý kiến, đề xuất của tôi liên quan đến vùng biên giới”) có hệ số dương tức là nếu cộng đồng thấy việc đóng góp ý kiến cho cơ quan quản lý nhà nước là dễ dàng, thể hiện ở chỗ họ biết đóng góp ý kiến cho ai, ở đâu và biết rằng cơ quan quản lý nhà nước sẽ ghi nhận và trả lời ý kiến, đề xuất của họ thì họ càng có động cơ mạnh mẽ để đóng góp ý kiến cho các chính sách liên quan đến biên giới. Các biến này có tác động thuận chiều với dự kiến hành vi tuân thủ chính sách là phù hợp với lý thuyết của Ajzen (1991). Riêng biến nhận thức kiểm soát hành vi NTKSHV2 về việc trình tự tiếp nhận ý kiến càng rõ ràng thì  $\beta < 0$ , tức là cộng đồng sẽ càng dự định ít hơn trong việc đóng góp ý kiến. Kết quả này trái với lý thuyết và ý nghĩa thực tế, tuy nhiên vì  $\beta$  chuẩn hóa = -0,1 tương đối nhỏ nên tác động ngược chiều này không đáng ngại. Với các mô hình còn lại, biến NTKSHV là nhận định của cộng đồng về việc Nhà nước có tạo điều kiện cho họ tìm hiểu chính sách, tuân thủ chính sách hay không, có cơ chế khuyến khích họ đóng góp tiền, hiện vật, công sức... để hỗ trợ chính quyền trong bảo vệ an ninh, trật tự vùng biên giới, chống tệ nạn xã hội xuyên biên giới, hợp tác kinh tế xuyên biên giới hay không. Các biến NTKSHV ở 5 mô hình (trừ mô hình 3) đều có ý nghĩa thống kê với tác động thuận chiều lên dự kiến hành vi tham gia, cho thấy Nhà nước càng tạo điều kiện cho cộng đồng dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu chính sách, tuân thủ chính sách và khuyến khích cộng đồng tham gia hỗ trợ Nhà nước trong các vấn đề an ninh, trật tự, kinh tế xuyên biên giới thì cộng đồng sẽ càng tích cực tuân thủ chính sách và tham gia hỗ trợ nhà nước nhiều hơn.

### 3. Hàm ý chính sách

Các mô hình nghiên cứu nói trên đều cho thấy có một số yếu tố chung tác động vào hành



vi tham gia quản lý của cộng đồng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia như sau:

- Quan điểm của cộng đồng về kết quả tích cực của hành vi tham gia quản lý: Cộng đồng càng cho rằng việc mình tham gia quản lý dưới các hình thức cụ thể (từ tìm hiểu chính sách, tuân thủ chính sách đến đóng góp ý kiến về chính sách, đóng góp nguồn lực vào hợp tác vùng biên giới) thì họ sẽ càng tích cực tham gia. Kết quả tích cực ở đây chính là sự tham gia của họ vào quản lý hay mô hình CBM đem lại lợi ích gì cho mỗi thành viên trong cộng đồng.

- Quan điểm của cộng đồng về vai trò của chính họ trong quản lý: Cộng đồng càng hiểu biết, càng có nhận thức cao về vai trò, quyền lợi và trách nhiệm của mình trong quản lý thì họ càng tích cực tham gia cùng với cơ quan quản lý nhà nước trong các vấn đề liên quan đến biên giới.

- Đánh giá của cộng đồng về chuẩn mực xã hội: Mỗi thành viên trong cộng đồng càng nhận thấy những người xung quanh mình có tham gia nhiều vào hoạt động quản lý thì sẽ càng có mong muốn được tham gia ở mức độ, hành vi tương tự.

- Cơ chế hỗ trợ cộng đồng tham gia: Cộng đồng sẽ tích cực tham gia các mô hình CBM nếu họ nhận thấy việc tham gia là dễ dàng, cụ thể là Nhà nước có chính sách, cơ chế thuận lợi, tạo điều kiện cho họ có thể tham gia quản lý, từ việc tìm hiểu, tuân thủ chính sách đến đóng góp ý kiến cho chính sách, cao hơn nữa là hỗ trợ Nhà nước trong các vấn đề biên giới như bảo vệ an ninh trật tự, chống tệ nạn xã hội, hợp tác kinh tế.

- Thu nhập của hộ gia đình: Thu nhập của các hộ gia đình là thành viên cộng đồng càng cao thì họ càng có dự định tham gia mạnh mẽ hơn vào hoạt động quản lý hoặc các mô hình CBM. Thu nhập cao sẽ dẫn đến người dân có mong muốn cao hơn trên tháp nhu cầu Maslow, có nhận thức, hiểu biết tốt hơn về trách nhiệm công dân, về ý nghĩa của dân chủ cơ sở... nên họ sẽ có mong muốn tham gia nhiều hơn vào hoạt động quản lý.

- Tuổi: Thành viên của cộng đồng càng trẻ tuổi thì càng có mong muốn tích cực tham gia

vào các hoạt động quản lý hoặc các mô hình CBM. Thực tế cho thấy, thanh niên là nhóm người có kiến thức, thường xuyên được cập nhật thông tin, có tinh thần nhiệt tình tham gia các vấn đề xã hội nên khi có điều kiện, cơ hội, họ sẽ sẵn lòng tham gia cùng Nhà nước trong quản lý các vấn đề biên giới.

Từ đó, để tăng cường sự tham gia quản lý của cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác song phương tại các địa phương biên giới Việt Nam – Campuchia, có thể thực hiện các giải pháp sau:

- *Truyền thông nâng cao năng lực cộng đồng*: Hoạt động nâng cao năng lực nên hướng vào nâng cao hiểu biết của cộng đồng về vai trò của cộng đồng trong quản lý và những lợi ích họ thu được khi tích cực tham gia các mô hình CBM. Cụ thể, cần truyền tải thông tin cho họ về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến biên giới và chính sách liên quan đến tham vấn cộng đồng, huy động nguồn lực cộng đồng để họ dễ dàng tiếp cận được chính sách, nhất là khi có chính sách mới. Ngoài ra, cần phổ biến cho người dân thấy được những kết quả tích cực mà họ có được khi tham gia các mô hình CBM hoặc tham gia quản lý cùng Nhà nước trong các vấn đề liên quan đến biên giới. Ví dụ, khi tuân thủ chính sách hay khi tham gia hỗ trợ Nhà nước bảo vệ an ninh, trật tự biên giới và hợp tác kinh tế xuyên biên giới, họ sẽ có được môi trường kinh tế - xã hội và tự nhiên an toàn cho đời sống, có thu nhập cao hơn. Khi đóng góp ý kiến cho cơ quan quản lý nhà nước về các chính sách liên quan đến vùng biên giới, quyền lợi của họ sẽ được cơ quan nhà nước đưa vào cân nhắc trong việc ra quyết định. Tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia CBM chính là nâng cao thái độ tích cực của cộng đồng, qua đó họ sẽ có động lực mạnh hơn để tham gia vào hoạt động quản lý. Đối tượng tuyên truyền, giáo dục nên tập trung vào thanh niên vì họ là những người có khả năng tiếp cận thông tin mới một cách nhanh chóng và tích cực tham gia vào các hoạt động quản lý tại địa phương.

Một đặc điểm cần lưu ý là tính đa dạng trong thành phần dân tộc trong cùng một đơn vị thôn.

bản, xã, huyện của Đắc Lắc. Đây vừa là điều kiện thuận lợi vừa là thách thức to lớn trong công tác nâng cao năng lực tham gia của cộng đồng địa phương biên giới. Đặc biệt lưu ý trình độ nhận thức của đồng bào dân tộc cư trú lâu đời thường thấp hơn so với người nhập cư, nhiều người chưa từng tham gia trường lớp nào cộng với rào cản văn hóa, ngôn ngữ và những mặc cảm, tự ti của xuất phát điểm thấp, do đó cần rất nhiều nỗ lực để nâng cao năng lực của nhóm này. Còn tại Kiên Giang, quá trình đào tạo, tập huấn và hướng dẫn cộng đồng bản địa tại các địa phương biên giới Việt Nam – Campuchia cần nhiều thời gian và nỗ lực của các bên tham gia. Trình độ học vấn của đồng bào dân tộc cư trú lâu đời tại địa phương cũng thấp, cộng đồng nơi đây vẫn còn tuân theo nhiều lệ tục, tập quán truyền thống lạc hậu truyền thống cùng với đó là cách thức tổ chức cuộc sống không lâu dài dẫn đến nguồn lực phát triển vừa thiếu, vừa yếu lại vừa bị sử dụng lãng phí. Quá trình tập huấn, hướng dẫn bà con cần rất quan tâm đến sự khác biệt này để tránh khoét sâu thêm khoảng cách giữa hai nhóm đồng bào dân tộc thiểu số và người Kinh mới chuyển đến sinh sống.

- *Hoàn thiện khung pháp lý*: Cần có cơ chế để cộng đồng đóng góp ý kiến cho cơ quan quản lý nhà nước về các chính sách liên quan

đến vùng biên giới. Cơ chế đóng góp ý kiến có thể thực hiện qua tham vấn cộng đồng khi xây dựng các quy hoạch, các dự án vùng biên giới, lập kênh thông tin từ người dân lên cơ quan quản lý nhà nước để phản ánh các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội, tội phạm kinh tế, tài nguyên – môi trường... Ngoài ra, cộng đồng sẽ tích cực tham gia hỗ trợ Nhà nước trong bảo vệ trật tự, an ninh biên giới, chống tội phạm xuyên biên giới, hợp tác kinh tế xuyên biên giới nếu họ thấy Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho họ. Do đó, trong dài hạn, cần xây dựng khung pháp lý, tạo cơ chế để người dân có thể tham gia vào những hoạt động này.

- *Cải thiện kinh tế địa phương*: nghiên cứu cho thấy cộng đồng sẽ tích cực tham gia các hoạt động quản lý vùng biên giới, các mô hình CBM hơn nếu họ có thu nhập cao hơn. Vì vậy để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, cần có những chính sách tạo việc làm, khuyến khích đầu tư, kinh doanh... để nâng cao mức sống, nâng cao thu nhập cho họ. Thực chất, việc áp dụng các mô hình CBM trong một số lĩnh vực như quản lý tài nguyên biển, rừng ngập mặn hoặc du lịch có quan hệ hai chiều khá chặt chẽ với nâng cao mức sống của người dân. Vì vậy, song song với các chính sách kinh tế, chính quyền địa phương cũng cần chỉ ra cho cộng đồng thấy lợi ích mà cộng đồng thu được từ các mô hình này♦

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Thị Hồng Nhung, Lê Hà Thanh và Nguyễn Diệu Hằng (2016): *Nghiên cứu hành vi sử dụng nước của các hộ gia đình vùng hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái bằng lý thuyết hành vi dự kiến*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, số 11.
2. Ajzen I. (1991): *The Theory of Planned Behaviour*. Organizational Behavior and Human Decision Processes, số 50, tập 2, tr. 79-211.
3. Ajzen, I. (2013): *Theory of Planned Behaviour Questionnaire. Measurement Instrument Database for the Social Science*, truy cập ngày 27 tháng 1 năm 2015, [http://www.midss.ie/sites/default/files/tpb.questionnaire\\_sample.pdf](http://www.midss.ie/sites/default/files/tpb.questionnaire_sample.pdf)
4. Dower, M. (2004): *Bộ cẩm nang đào tạo và thông tin về phát triển nông thôn toàn diện*, NXB. Nông nghiệp. Hà Nội.